

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ

Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: Toán, Vật lý, Ngoại ngữ

(Cập nhật đến ngày 7 tháng 8 năm 2015)

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Thứ tự nguyện vọng mà thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên
1	TTG015557	DƯƠNG QUỐC THÁI	2	18.75	0.5
2	SGD012859	KHUU NGOC HOANG THANH	2	15.25	0
3	DTT017394	HUYNH THANH VINH	1	14.75	1
4	SPK002266	LÊ THÁI DƯƠNG	4	14.75	0
5	DTT004154	HUYNH NGOC HIEU	1	14.5	1
6	DVT000426	TRẦN THẾ BẢO	3	14.5	1.5
7	SPK000841	PHAN QUỐC BẢO	1	13.5	0
8	SGD004017	LÊ VŨ HIỆP	1	13	1.5
9	QGS017696	CAO VIỆT THẮNG	1	13	0
10	QGS008996	NGUYỄN PHÚC QUANG LÂM	1	13	0
11	DTT003798	NGÔ VĂN HẬU	1	13	1
12	DQN004147	PHẠM VĂN ĐẠT	3	13	1
13	YDS003657	TÂN TRÍ HẢI	1	12.75	1
14	SPD006653	LÊ PHẠM THANH NHÃ	1	12.25	1
15	DTT006202	PHẠM NGỌC LAI	1	11.5	1.5
16	SPD004189	TRẦN DUY KHÁNH	1	11.25	1

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ

Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ

(Cập nhật đến ngày 7 tháng 8 năm 2015)

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Thứ tự nguyện vọng mà thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên
1	HUI011784	PHẠM NGỌC PHÚ	1	17.5	0.5
2	YDS005284	NGUYỄN THÁI HOÀNG HUY	1	16.5	0
3	HUI001723	LÊ ANH CÔNG	1	15.75	1.5
4	SGD001004	NGUYỄN HỮU CẢNH	1	15.5	0
5	DVT000344	NGUYỄN CHUNG THIÊN ÂN	1	15	1
6	YDS013980	KHÔNG QUỐC THỐNG	2	14.5	0
7	SPK013593	TRẦN QUỐC TIẾN	1	14.25	0
8	SPK001948	LÊ NGUYỄN KHÁNH DUY	1	14	0
9	SGD017573	NGÔ NĂNG VÕ	1	14	1
10	YDS000348	NGÔ THẾ ANH	3	13.75	0
11	HUI008518	BÙI THƯỢNG LƯU	1	13.5	0.5
12	SGD017587	ĐỖ HOÀN VŨ	1	13.5	0
13	DQN010260	ĐỖ QUỐC KỲ	3	13.5	1.5
14	DTT002560	TRẦN TIẾN ĐẠT	1	13.25	0.5
15	DCT014688	NGUYỄN HOÀNG TƯỜNG	1	13.25	1.5
16	HUI008960	NGUYỄN VĂN MINH	1	13.25	0
17	TAG003936	NGÔ HỒNG HẠNH	1	13.25	1
18	TDL004196	LÊ CÔNG HẬU	1	13	1.5
19	TAG016808	LÊ HỮU TỈNH	2	13	0.5
20	DTT002271	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	2	13	1.5
21	QGS010763	NGÔ LÊ MINH	2	13	0
22	HUI017272	TRẦN ĐỨC TRÍ	1	12.75	0
23	SPD000777	NGUYỄN BẢO CHÂU	1	12.5	1

24	HUI004684	NGUYỄN MINH HIỀN	1	12.25	0.5
25	DCT013483	PHẠM CAO TRÍ	1	12.25	1.5
26	QGS015986	ĐỖ KHÁNH SƠN	1	12	0
27	DTT004152	HUỖNH LÊ TRUNG HIỂU	1	11.75	0.5
28	DCT012762	ĐẶNG TRUNG TÍN	3	11.5	0.5
29	DTT002616	HUỖNH MINH ĐIỀN	2	11.25	1.5
30	TDL016758	BÙI HUỖNH QUỐC TUẤN	2	11	1.5